

Giải pháp tín dụng ngân hàng nhằm phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

ThS. NGUYỄN LÊ NGUYỄN DUNG

Đại học Tài chính - Kế toán, Bộ Tài chính

Trong những năm gần đây, kinh tế trang trại (KTTT) đã đạt được những bước phát triển đáng kể, góp phần quan trọng cho sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Có được kết quả này, ngoài những chính sách về đất đai, nguồn nhân lực, ... nguồn vốn tín dụng ngân hàng đã có đóng góp không nhỏ. Đối với các ngân hàng thương mại (NHTM), trong bối cảnh cạnh tranh đang diễn ra gay gắt, cho vay KTTT là một chiến lược nhằm đa dạng hóa đầu tư, phân tán rủi ro. Quảng Ngãi là tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên với những ưu thế về vị trí địa lý, đất đai, mặt nước, tài nguyên thiên nhiên, là những thuận lợi cơ bản để phát triển KTTT. Những năm qua, KTTT tỉnh Quảng Ngãi có sự phát triển nhanh chóng. Các chủ trang trại trên địa bàn đã mạnh dạn vay vốn ngân hàng, phát triển ngành nghề, mở rộng đầu tư sản xuất. Tuy nhiên, vì nhiều nguyên nhân khác nhau, việc cho vay KTTT của các ngân hàng vẫn chưa phát triển tương xứng với tiềm năng vốn có.

1. Thực trạng cho vay kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Giai đoạn 2011- 2013, KTTT tỉnh Quảng Ngãi có sự phát triển nhanh chóng với tốc độ tăng số lượng trang trại bình quân hàng năm của tỉnh là 2,85%. Nhận thấy được tiềm năng phát triển KTTT trên địa bàn, các NHTM đã đẩy mạnh cho vay KTTT và đã đạt được những thành công đáng kể. Tuy nhiên, vì nhiều nguyên nhân khác nhau, việc cho

vay KTTT của các ngân hàng vẫn chưa phát triển tương xứng với tiềm năng vốn có.

Thực tế, các trang trại tỉnh Quảng Ngãi được đầu tư chủ yếu là nguồn vốn tự có. Năm 2013 vốn tự có chiếm 54,25%; vốn vay từ các NHTM chiếm 16,58%, phần còn lại được chủ trang trại vay từ các nguồn không chính thức từ bạn bè, người thân... chiếm 29,17%.

Nhu cầu vốn của các trang trại thường



Bảng 1. Cơ cấu vốn của các trang trại trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi

Đơn vị tính: %

TT	Vốn	Năm		
		2011	2012	2013
1	Vốn chủ trang trại	67,18	58,78	54,25
2	Vốn vay	11,47	14,28	16,58
3	Vốn khác	21,35	26,94	29,17
Tổng số		100	100	100

Nguồn: Báo cáo Kinh tế- Xã hội tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011- 2013

lớn do đối tượng đầu tư của các trang trại thường là các loại cây dài ngày, cây trồng, con giống với số lượng lớn, có giá trị cao cũng như đầu tư cho việc xây dựng, cải tạo cơ sở hạ tầng của trang trại, mua sắm máy móc, quy trình công nghệ hiện đại... Ngoài ra, để có quy mô vượt trội so với kinh tế hộ, chủ trang trại thường phải cần nhiều vốn để tăng diện tích đất đai, lao động và hoạt động theo hướng chuyên môn hóa nên nhu cầu vốn của các trang trại thường lớn, nguồn vốn tự có của chủ trang trại thường không đáp ứng đủ nhu cầu đầu tư. Do đó, vay ngân hàng là yêu

Bảng 2. Tình hình cho vay KTTT của các NHTM trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Chỉ tiêu	2011	2012	2013
Tổng dư nợ (tỷ đồng)	26.300	28.410	30.400
Dư nợ cho vay KTTT (tỷ đồng)	3.160	3.708	4.498
Tỷ trọng dư nợ cho vay KTTT/Tổng dư nợ (%)	12,0	13,15	14,8

Nguồn: Báo cáo của NHNN tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011- 2013

cầu cấp thiết của các chủ trang trại.

Hiện nay, các NHTM trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đều thực hiện cho vay đối với KTTT, tuy nhiên tỷ trọng dư nợ cho vay KTTT vẫn còn chiếm tỷ lệ thấp, chỉ chiếm khoảng 12- 15% trong tổng dư nợ cho vay giai đoạn 2011- 2013.

Thực trạng này xuất phát từ một số nguyên nhân sau:

Thứ nhất, sản xuất, kinh doanh của các trang trại gặp nhiều rủi ro

- Quảng Ngãi là địa phương chịu ảnh hưởng

lớn của thiên tai, tình hình dịch bệnh những năm qua diễn biến phức tạp, hàng loạt gia súc phải bị thiêu hủy vì dịch bệnh. Tình hình tiêu thụ nông sản phẩm hàng hóa của các trang trại ở tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian qua chủ yếu là tiêu thụ qua trung gian là các thương lái nên thường hay gặp rủi ro, bất trắc khi thị trường biến động về giá cả. Các chủ trang trại chưa phối hợp tốt giữa các khâu cung cấp yếu tố đầu vào, chế biến, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, do đó hiệu quả sản xuất kinh doanh của các trang trại chưa cao. Ngoài ra, thị trường nông sản bị tác động mạnh bởi khủng hoảng nợ công ở khu vực châu Âu, sự phục hồi chậm của kinh tế thế giới, làm cho giá của nhiều loại nông sản liên tục giảm, đặc biệt là những mặt hàng xuất khẩu. Điều này làm cho khách hàng không mạnh dạn đầu tư, hoặc đầu tư nhưng không thu hồi được vốn, ảnh hưởng đến việc tái sản xuất cũng như nguồn trả nợ của chủ trang trại.

- Đối với các chủ trang trại, một khó khăn chung lớn nhất khi tiếp cận nguồn vốn của ngân hàng trong thời gian qua là giấy chứng nhận KTTT. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh chỉ có khoảng 60% trang trại được cấp giấy chứng nhận KTTT, gây trở ngại cho khách hàng khi vay vốn ngân hàng.

- Một số các Nghị định, thông tư hướng dẫn, hỗ trợ cho vay nông nghiệp- nông thôn nói chung, cho vay KTTT nói riêng còn nhiều bất cập, khó áp dụng trong thực tế cho vay tại địa phương. Chẳng hạn, áp dụng thông tư mới quy định về tiêu chí xác định KTTT thì các tiêu chí về đất đai là rất cao, trong khi đó cơ chế giao đất, giao rừng tại địa phương còn manh mún và chưa đồng bộ. Ngoài ra, hiện nay một số chính sách hỗ trợ của Chính phủ, chẳng hạn theo Nghị định số 41/2010/NĐ-CP, đối tượng vay vốn là tổ chức, cá nhân, chủ trang trại phải cư trú và có cơ sở sản xuất hoặc trang trại hoạt động trên địa bàn nông thôn. Tuy nhiên, do tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh, nhiều xã mới được chuyển lên thành phường, thị trấn nhưng về bản chất những nơi này vẫn hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, nhiều khách hàng không được hưởng chính sách vay ưu đãi theo



Nghị định này.

Thứ hai, khó khăn trong giao dịch và khả năng đáp ứng của các ngân hàng

Việc phát triển mạng lưới của các ngân hàng chỉ dừng lại ở khu vực thị trấn, thị tứ, khu vực đông dân cư. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam là ngân hàng có thế mạnh trong cho vay nông nghiệp- nông thôn nói chung, cho vay KTTT nói riêng, nhưng hiện nay mỗi huyện cũng chỉ có một chi nhánh, điều này gây trở ngại cho khách hàng đến giao dịch với ngân hàng. Trong khi đó, đặc điểm cho vay

vốn bằng tài sản đảm bảo, hoặc cả vay bằng tín chấp đều gặp khó khăn trong vấn đề tài sản thế chấp, vì theo Nghị định 41, khách hàng vay bằng tín chấp vẫn phải nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Một khó khăn nữa trong hình thức đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, khi thực hiện cho vay hỗ trợ lãi suất theo Quyết định số 497/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ lãi suất vốn vay mua máy móc thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thôn, theo đó, chính

Các chủ trang trại có nhu cầu vay vốn thời gian dài hơn so với kinh tế hộ, do KTTT thường đầu tư vào trồng cây lâu năm, chăn nuôi đại gia súc nên chu kỳ sản xuất thường dài hơn. Đối với các khoản vay đầu tư cho cơ sở hạ tầng, cải tạo tư liệu sản xuất gắn liền với đất đai, ao hồ mặt nước, nhu cầu vay cũng tương đối dài. Trong khi đó, tại một số chi nhánh ngân hàng trên địa bàn, nguồn vốn cho vay thiếu ổn định, nhất là nguồn vốn dài hạn, khả năng huy động vốn tại chỗ còn hạn chế.

KTTT là phần đông khách hàng ở khu vực nông thôn, vùng cao, vùng xa, nhưng nhu cầu vốn, trả nợ, trả lãi thường xuyên phát sinh.

Bên cạnh đó, hiện nay một số khách hàng còn chưa quen và đủ trình độ lập dự án. Do đó, khi cho vay KTTT đòi hỏi cán bộ ngân hàng phải có những kiến thức chuyên sâu để làm tốt công tác thẩm định, tư vấn và hỗ trợ cho khách hàng, giúp khách hàng sử dụng vốn vay hiệu quả. Tuy nhiên, khó khăn hiện nay là một bộ phận cán bộ tín dụng không đủ kiến thức và năng lực để làm việc này. Do đó, việc xác định thời hạn cho vay, xác định nhu cầu vay đôi khi còn chưa chính xác và khách quan, việc tư vấn và hỗ trợ cho khách hàng không hiệu quả.

Thứ ba, khó khăn về tài sản đảm bảo và cho vay tín chấp

Một trở ngại lớn đối với chủ trang trại khi vay vốn ngân hàng là vấn đề liên quan đến tài sản đảm bảo của khách hàng, như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại một số địa phương, quy trình, thủ tục cấp giấy chứng nhận, chuyển đổi mục đích sử dụng,... còn nhiều phức tạp, tốn thời gian. Vì vậy, đối với những khách hàng vay

sách hỗ trợ chỉ áp dụng với những loại máy nông cụ do Việt Nam sản xuất, trong khi trên thị trường có nhiều máy móc thiết bị của nước ngoài có công năng tương tự nhưng giá cả thấp hơn, phù hợp hơn với lựa chọn của khách hàng. Vì vậy, việc triển khai chính sách cho vay hỗ trợ lãi suất khi mua máy nông nghiệp còn chậm.

Ngoài ra, hình thức cho vay đảm bảo bằng hợp đồng tiêu thụ sản phẩm còn có nhiều bất cập. Thực tế cho thấy, mô hình cho vay đa phương, có sự tham gia của bên cung ứng, bên bao tiêu còn gặp nhiều khó khăn. Mô hình cho vay “4 nhà” theo Quyết định số 80/20/QĐ-TTg của Chính phủ về chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua hợp đồng chưa đạt được kết quả cao. Khi triển khai cho vay theo Quyết định này, cùng một khách hàng, tài sản thế chấp không thay đổi nhưng rất nhiều mối quan hệ tín dụng chồng lên nhau, cùng một lúc khách hàng vừa vay vốn ngân hàng, vừa ứng trước vật tư như phân bón, giống, tiền công lao động của cả doanh nghiệp cung ứng vật tư đầu vào và doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Điều này, làm cho các doanh nghiệp khó thu hồi được nợ,



còn ngân hàng thì không chắc vào kết quả thực hiện hợp đồng nên không dám mạnh dạn áp dụng biện pháp lấy hợp đồng tiêu thụ sản phẩm thay thế cho tài sản đảm bảo tiền vay.

Hơn nữa, một trong các điều kiện để chi nhánh xem xét, quyết định cho vay không có bảo đảm bằng tài sản là khách hàng được xếp hạng tín nhiệm theo tiêu chí phân loại khách hàng. Như vậy đối với các chủ trang trại vay vốn lần đầu, chưa đủ điều kiện xếp hạng tín nhiệm thì không

Bảng 3. Lãi suất cho vay và tỷ suất lợi nhuận của KTTT trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Đơn vị tính: %

Năm	Chi phí vốn của NHTM	Lãi suất cho vay bình quân	Lãi suất cho vay KTTT	Tỷ suất lợi nhuận của KTTT
2011	15,6	17,8	16,0	11,6
2012	11,0	14,6	13,2	10,2
2013	10,2	13,5	12,1	9,8

Nguồn: Báo cáo thường niên NHNN tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2013

được vay tín chấp.

Thứ tư, khó khăn về lãi suất

Để tạo điều kiện cho các trang trại vay vốn, hiện nay các NHTM trên địa bàn tỉnh đều thực hiện cho vay với lãi suất ưu đãi đối với KTTT, các chủ trang trại thực hiện kinh doanh, sản xuất trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, diêm nghiệp... Tuy nhiên, mức lãi suất cho vay hiện nay vẫn còn cao, chưa phù hợp với khách hàng KTTT vì khả năng sinh lợi bình quân của KTTT nhìn chung thấp hơn so với khu vực doanh nghiệp nên khả năng chịu đựng lãi suất cao là hạn chế.

Về phía các NHTM, vì đặc điểm cho vay KTTT là có chi phí cao do các yếu tố: Địa bàn phục vụ phân tán; chi phí giao dịch cao; tình trạng thông tin bất đối xứng lớn hơn dẫn đến chi phí thu thập và xử lý thông tin cao; huy động vốn tại chỗ thấp, chủ yếu dựa vốn điều chuyển của Hội sở chính nên chi phí vốn bình quân cao. Do đó, nếu giảm lãi suất cho vay quá nhiều sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh.

Trên thực tế để giảm gánh nặng về lãi suất,

Chính phủ đã có nhiều chương trình hỗ trợ đối với khu vực nông nghiệp- nông thôn nói chung, khách hàng KTTT nói riêng. Tuy nhiên việc triển khai áp dụng của các ngân hàng thương mại vẫn còn nhiều bất cập. Vì một số quy định quá khắt khe, chẳng hạn, quy định về máy móc thiết bị phải được sản xuất trong nước, khách hàng được hỗ trợ lãi suất phải ở khu vực nông thôn,... Vì những bất cập trên nên một số khách hàng vẫn chưa được hưởng ưu đãi từ các chương trình hỗ trợ lãi suất này.

Do đó, trong hiện tại để tạo điều kiện cho khách hàng tiếp cận với nguồn vốn vay ngân hàng, các NHTM cần phải tiết kiệm chi phí hoạt động, tăng cường thu ngoài tín dụng để có điều kiện giảm lãi suất cho vay.

2. Giải pháp đẩy mạnh cho vay kinh tế trang trại của các ngân hàng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Một là, tăng cường nguồn lực của ngân hàng

- Phát triển mạng lưới phù hợp, tạo thuận lợi cho khách hàng trong giao dịch là một điều kiện quan trọng để khách hàng tiếp cận với nguồn vốn ngân hàng, đồng thời cũng góp phần thu hút khách hàng mới cho ngân hàng.

- Các ngân hàng cần tăng cường nguồn vốn, nhất là nguồn vốn trung, dài hạn để cho vay phát triển KTTT.

- Nâng cao chất lượng cán bộ tín dụng thông qua tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ tín dụng kiến thức, kỹ năng cần thiết liên quan đến KTTT nhằm giúp cán bộ tín dụng nâng cao chất lượng thẩm định các phương án, dự án đồng thời có thể xây dựng những chương trình cho vay sát thực với khu vực nông nghiệp- nông thôn.

Hai là, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể của địa phương trong công tác tín dụng nhằm giảm chi phí, giảm lãi suất cho vay

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với UBND các xã, phường, thị trấn, các doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện tốt các chương trình, chính sách cho vay hỗ trợ lãi suất, góp phần giảm lãi suất cho vay.

- Phối hợp với các cấp Hội nông dân và Hội phụ nữ tại địa phương để triển khai các văn bản liên tịch thực hiện chính sách tín dụng phục vụ



phát triển nông nghiệp- nông thôn theo Nghị định số 41/2010/NĐ-CP phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương.

- Phối hợp với các tổ chức chính trị và chính quyền địa phương nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí thu thập thông tin phục vụ cho thẩm định và ra quyết định cho vay.

- Phối hợp với các tổ chức chính trị và chính quyền địa phương để thành lập tổ hợp tác trang trại. Kinh nghiệm ở các nước phát triển KTTT cho thấy việc thành lập tổ hợp tác trang trại đã tập trung, động viên được nguồn lực của các chủ trang trại, theo mô hình này, cứ từ 5 đến 7 trang trại tự nguyện kết hợp lại với nhau thành Tổ hợp tác, trong đó chủ trang trại sản xuất kinh doanh giỏi nhất hoặc có uy tín nhất làm tổ trưởng. Tổ hợp tác này sẽ giúp nhau trong hợp tác sản xuất, kinh doanh, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm và vay vốn ngân hàng. Trường hợp cần vốn để mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất mà một trang trại không đủ điều kiện để vay vốn, thì Tổ hợp tác sẽ cùng vay vốn và cùng sử dụng máy móc thiết bị. Hoặc sau khi nhận tiền vay, mỗi trang trại sẽ đầu tư 10%-15% vốn vay để gửi vào ngân hàng cho vay vốn. Số tiền này sẽ vẫn của từng trang trại nếu các trang trại sản xuất kinh doanh thuận lợi, trả nợ đúng hạn cho ngân hàng, ngược lại nếu có rủi ro, Tổ hợp tác sẽ dùng số vốn đó để trả nợ ngân hàng. Như vậy, mô hình hợp tác trang trại đã buộc các trang trại phải giám sát, giúp đỡ nhau sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, giúp ngân hàng thẩm định các dự án vay vốn chính xác, kịp thời. Với hình thức cho vay này, sẽ khắc phục được tình trạng bất cập trong việc thế chấp tài sản khi vay vốn ngân hàng. Vì vậy, các ngân hàng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi cần phối hợp với các tổ chức ở địa phương thúc đẩy, động viên khách hàng thành lập tổ hợp tác KTTT, hình thành phương thức cho vay thông qua Tổ hợp tác.

Ba là, thực hiện đa dạng nhiều hình thức đảm bảo tiền vay

Thực tế cho vay KTTT của các ngân hàng cho thấy, tỷ trọng cho vay có tài sản bảo đảm chiếm đến trên 70% trong tổng cho vay KTTT. Tuy nhiên, những tài sản bảo đảm này chỉ bảo đảm

một phần giá trị khoản vay hoặc có tài sản bảo đảm nhưng không đầy đủ các yếu tố pháp lý theo qui định.

Vì vậy, qui định về bảo đảm tiền vay của các ngân hàng cần được hoàn thiện theo hướng đa dạng hóa hình thức bảo đảm bằng tài sản. Ngoài bảo đảm bằng hình thức thế chấp bất động sản, cần tích cực áp dụng các hình thức khác như: Bảo đảm bằng cầm cố động sản; bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay, bằng bảo đảm của bên thứ ba, bảo đảm bằng hợp đồng tiêu thụ sản phẩm... Cụ thể cần linh hoạt trong từng tình huống như sau:

- Đối với những khách hàng gặp khó khăn trong tài sản đảm bảo hình thành từ vốn vay, trong quá trình cho vay theo chương trình hỗ trợ lãi suất của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ lãi suất vốn vay mua máy móc thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp thì ngân hàng không nên quá cứng nhắc trong việc thẩm định tài sản, các NHTM cần linh hoạt theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng.

- Mạnh dạn áp dụng biện pháp đảm bảo bằng hợp đồng tiêu thụ sản phẩm. Đây mạnh việc tìm hiểu, tham gia vào mô hình cho vay theo Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg phát huy được hiệu quả liên kết giữa “5 nhà” với những quy định rõ ràng hơn, phát huy vai trò cung ứng vốn và thanh toán theo một quy trình khép kín. Theo quy trình này, hợp đồng bán sản phẩm cho các doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm của các trang trại và hợp đồng bán sản phẩm của các doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm với các công ty, đơn vị trong nước và nước ngoài sẽ được xem xét để trở thành tài sản đảm bảo tiền vay đối với các trang trại, doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Do đó, khi cho vay KTTT, các NHTM cần tư vấn cho các chủ trang trại một phương án sản xuất theo quy trình khép kín từ sản xuất- chế biến đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm cụ thể. Căn cứ trên quy trình đó, hai bên sẽ thống nhất kế hoạch giải nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của khách hàng, giúp quá trình sản xuất- tiêu thụ sản phẩm được thông suốt, giúp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của KTTT.



Ngoài ra, các NHTM cần tăng tỷ trọng cho vay tín chấp thông qua các hội đoàn thể tại địa phương như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Doanh nghiệp trẻ nhằm giúp cho các trang trại có điều kiện thuận lợi để vay vốn. Để tăng tỷ trọng cho vay tín chấp cần nâng cao kỹ năng thẩm định cho vay nói riêng, khả năng kiểm soát rủi ro trong cho vay KTTT nói chung. ■

Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ, Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (12/7/2011), “Một số điểm mới trong chính sách tín dụng phát triển nông nghiệp nông thôn tại Nghị định số 41/2010/NĐ-CP của Chính phủ”

3. Thủ tướng chính phủ, Quyết định số 131/QĐ-TTg về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn NH để SX, kinh doanh.

4. Thủ tướng chính phủ, Quyết định 493/QĐ- TTg về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn trung dài hạn ngân hàng để thực hiện đầu tư mới, để phát triển SX, kinh doanh.

5. Thủ tướng chính phủ, Quyết định số 497/QĐ- TTg về việc hỗ trợ lãi suất vốn vay mua máy móc thiết bị, vật tư phục vụ SX nông nghiệp và vật liệu, xây dựng nhà ở khu vực nông thôn.

6. Thủ tướng chính phủ, Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản.

7. Thủ tướng chính phủ, Quyết định số 80/2002/TTg về “Chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản, hàng hóa thông qua hợp đồng.

8. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (2010), Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011- 2012 và tầm nhìn đến năm 2025.

tiếp theo trang 23

ngành, nhất là chế biến xuất khẩu, tạo điều kiện hình thành các vùng chuyên canh và sản phẩm, thương hiệu xuất khẩu có tính cạnh tranh cao cũng như tạo thuận lợi và an toàn cho việc cấp tín dụng của ngân hàng.

- NHNN cần thực hiện một số chính sách ưu

đãi về tỷ lệ dự trữ bắt buộc hoặc lãi suất cho vay đối với khu vực nông thôn.

- NHNN cùng với Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, các bộ, ban ngành có liên quan cần rà soát lại những vấn đề còn vướng mắc, chồng chéo trong chính sách để sửa đổi, bổ sung nhằm tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc cấp tín dụng cho nông nghiệp, nông thôn.

Phối hợp với các Ban, Ngành, hội đoàn thể triển khai các chủ trương, chính sách của Nhà nước đến khách hàng vay vốn, đặc biệt là các hộ sản xuất ở địa bàn nông thôn, tạo điều kiện cho các đối tượng thuộc diện ưu đãi tiếp cận vốn vay, thực hiện có hiệu quả việc cho vay qua tổ vay vốn, khuyến khích các mô hình chuyển đổi từ sản xuất nhỏ lẻ đến sản xuất tập trung thâm canh.

Thời gian qua, với việc thực hiện cấp tín dụng theo Nghị định 41/2010 của Chính phủ, phần nào đã phát huy được những hiệu quả tích cực trong vấn đề đưa vốn tín dụng về khu vực nông nghiệp, nông thôn, góp phần thay đổi diện mạo sản xuất nông nghiệp, từng bước hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn theo hướng bền vững. Tuy nhiên, để nông nghiệp nông thôn khu vực duyên hải Miền Trung phát triển, rất cần sự hỗ trợ nhiều hơn nữa về vốn, đặc biệt là vốn tín dụng ngân hàng nhằm tạo ra bước đột phá của khu vực này, góp phần cho sự ổn định của nền kinh tế, giải quyết vấn đề an sinh xã hội của đất nước. ■



Lời khuyên khi vợ ngoại tình

Một người đàn ông hỏi bác sĩ: “Thưa bác sĩ, vợ tôi rất hay ngoại tình, nhưng lúc nào cũng vậy, mỗi khi tôi toan làm âm lên thì cô ta lại nói: “Anh hãy uống một tách cà phê để bình tĩnh lại đã nào!””

- Tôi hiểu, nhưng ông cần tôi giúp gì mới được chứ?

- À, tôi chỉ muốn hỏi, uống nhiều cà phê như thế có hại cho sức khỏe lắm không?